ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN VĂN DANH**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN VĂN DANH**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh,**  **chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Nguyễn Đức Tài | Hiệu trưởng | Chủ tịch hội đồng |  |
| 2 | Trần Văn Lường | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch hội đồng |  |
| 3 | Trần Thị Diễm Trang | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch hội đồng |  |
| 4 | Cao Lê Diễm Quyên | Thư ký  Hội đồng trường | Thư ký hội đồng |  |
| 5 | Nguyễn Thị Kim Sa | Chủ tịch Công đoàn | Ủy viên hội đồng |  |
| 6 | Nguyễn Thanh Nhà | Bí thư Chi đoàn | Ủy viên hội đồng |  |
| 7 | Nguyễn Thị Bích Thuỳ | Tổng phụ trách Đội | Ủy viên hội đồng |  |
| 8 | Trần Ngọc Phú | Trưởng ban  Thanh tra nhân dân | Ủy viên hội đồng |  |
| 9 | Triệu Thanh Hương | Tổ trưởng khối 1 | Ủy viên hội đồng |  |
| 10 | Nguyễn Thị Thanh Mai | Tổ trưởng khối 2 | Ủy viên hội đồng |  |
| 10 | Lương Thị Ngọc Dung | Tổ trưởng khối 3 | Ủy viên hội đồng |  |
| 11 | Võ Thị Ngọc Hà | Tổ trưởng khối 4 | Ủy viên hội đồng |  |
| 12 | Nguyễn Thị Ngọc Phương | Tổ trưởng khối 5 | Ủy viên hội đồng |  |
| 13 | Phan Thị Bích Trân | Tổ trưởng  Tổ tiếng Anh | Ủy viên hội đồng |  |
| 14 | Nguyễn Minh Thu | Tổ trưởng  Tổ văn phòng | Ủy viên hội đồng |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2019

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục |  |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá |  |
| **Phần I.CƠ SỞ DỮ LIỆU** |  |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** |  |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** |  |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** |  |
| **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1,2 VÀ 3** |  |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.** |  |
| **Mở đầu** |  |
| **Tiêu chí 1.1:** Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. |  |
| **Tiêu chí 1.2:** Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác. |  |
| **Tiêu chí 1.3:** Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường. |  |
| **Tiêu chí 1.4:** Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng. |  |
| **Tiêu chí 1.5:** Khối lớp và tổ chức lớp học. |  |
| **Tiêu chí 1.6:** Quản lý hành chính, tài chính và tài sản. |  |
| **Tiêu chí 1.7:** Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên. |  |
| **Tiêu chí 1.8**: Quản lý các hoạt động giáo dục. |  |
| **Tiêu chí 1.9:** Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. |  |
| **Tiêu chí 1.10:** Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. |  |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** |  |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.** |  |
| **Mở đầu** |  |
| **Tiêu chí 2.1:** Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. |  |
| **Tiêu chí 2.2:** Đối với giáo viên. |  |
| **Tiêu chí 2.3:** Đối với nhân viên. |  |
| **Tiêu chí 2.4:** Đối với học sinh. |  |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** |  |
| **Tiêu chuẩn 3: Cở sở vật chất và thiết bị dạy học.** |  |
| **Mở đầu** |  |
| **Tiêu chí 3.1:** Khuôn viên, sân chơi, sân tập. |  |
| **Tiêu chí 3.2:** Phòng học. |  |
| **Tiêu chí 3.3:** Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính-quản trị. |  |
| **Tiêu chí 3.4:** Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước. |  |
| **Tiêu chí 3.5:** Thiết bị. |  |
| **Tiêu chí 3.6:** Thư viện. |  |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3*** |  |
| **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** |  |
| **Mở đầu** |  |
| **Tiêu chí 4.1:** Ban đại diện cha mẹ học sinh. |  |
| **Tiêu chí 4.2:** Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường. |  |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** |  |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục** |  |
| **Mở đầu** |  |
| **Tiêu chí 5.1:** Kế hoạch giáo dục của nhà trường. |  |
| **Tiêu chí 5.2:** Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. |  |
| **Tiêu chí 5.3:** Thực hiện các hoạt động giáo dục khác. |  |
| **Tiêu chí 5.4:** Công tác phổ cập giáo dục tiểu học. |  |
| **Tiêu chí 5.5:** Kết quả giáo dục. |  |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*** |  |
| ***Kết luận*** |  |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** |  |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** |  |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

*(Đánh dấu (×) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)*

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 1.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 1.4 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 1.5 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.6 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 2.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 2.4 |  | x | x | x |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 3.3 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 3.4 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.5 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | x | x | x |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 4.2 |  | x | x | x |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 5.3 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 5.4 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 5.5 |  | x | x | x |

**1.2. Kết luận: Trường đạt Mức 2**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Tiểu học Trần Văn Danh

Tên trước đây (nếu có): Trường Tiểu học Trần Văn Danh

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thành phố | Thành phố Hồ Chí Minh |  | Họ và tên  hiệu trưởng | Nguyễn Đức Tài |
| Quận | Hóc Môn |  | Điện thoại | (028) 37112740 |
| Phường | Không |  | Fax |  |
| Đạt chuẩn quốc gia | Không |  | Website | thtranvandanh.hcm.  edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2007 |  | Số điểm trường | 01 |
| Công lập | x |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không |  | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Trường chuyên biệt | Không |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2014- 2015** | **Năm học 2015- 2016** | **Năm học 2016- 2017** | **Năm học 2017- 2018** | **Năm học 2018- 2019** |
| Khối lớp 1 | 18 | 11 | 05 | 07 | 18 |
| Khối lớp 2 | 14 | 18 | 11 | 05 | 07 |
| Khối lớp 3 | 05 | 14 | 18 | 11 | 05 |
| Khối lớp 4 | 05 | 05 | 14 | 18 | 10 |
| Khối lớp 5 | 03 | 05 | 05 | 10 | 16 |
| **Cộng** | 45 | 53 | 53 | 55 | 56 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014 - 2015** | **Năm học 2015 - 2016** | **Năm học 2016 - 2017** | **Năm học 2017 - 2018** | **Năm học 2018 - 2019** | **Ghi chú** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 66 | 66 | 66 | 66 | 66 |  |
| 1 | Phòng học | 49 | 49 | 49 | 49 | 49 |  |
| a | Phòng kiên cố | 49 | 49 | 49 | 49 | 49 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| c | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 08 | 08 | 08 | 08 | 08 |  |
| a | Phòng kiên cố | 08 | 08 | 08 | 08 | 08 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| c | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 09 | 09 | 09 | 09 | 09 |  |
| a | Phòng kiên cố | 09 | 09 | 09 | 09 | 09 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| c | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính - quản trị | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **III** | Thư viện | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |  |
| **IV** | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | **00** | **00** | **00** | **00** | **00** |  |
|  | **Cộng** | **77** | **77** | **77** | **77** | **77** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 00 |  | 00 | 01 |  |
| Phó hiệu trưởng | 02 | 01 | 00 |  | 00 | 02 |  |
| Giáo viên | 49 | 46 | 00 |  | 1 | 48 |  |
| Nhân viên | 08 | 05 | 00 |  | 06 | 02 |  |
| **Cộng** | **60** | **53** | **00** |  | **7** | **53** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014 - 2015** | **Năm học 2015 - 2016** | **Năm học 2016 - 2017** | **Năm học 2017 - 2018** | **Năm học 2018 - 2019** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 53 | 67 | 69 | 73 | 73 |
| 2 | Tỉ lệ giáo viên/lớp | 1,2 | 1,3 | 1,3 | 1,3 | 1,3 |
| 3 | Tỉ lệ giáo viên/học sinh | 0,02 | 0,03 | 0,03 | 0,03 | 0,02 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 00 | 00 | 00 | 02 | 00 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014 - 2015** | **Năm học 2015 - 2016** | **Năm học 2016 - 2017** | **Năm học 2017 - 2018** | **Năm học 2018 - 2019** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số học sinh | 1905 | 2233 | 2202 | 2214 | 2522 |  |
| *Nữ* | 909 | 1073 | 1068 | 1084 | 1241 |  |
| *Dân tộc thiểu số* | 27 | 40 | 39 | 37 | 52 |  |
| *Khối lớp 1* | 765 | 486 | 212 | 293 | 809 |  |
| *Khối lớp 2* | 562 | 738 | 481 | 211 | 302 |  |
| *Khối lớp 3* | 232 | 553 | 731 | 463 | 225 |  |
| *Khối lớp 4* | 213 | 238 | 542 | 713 | 468 |  |
| *Khối lớp 5* | 133 | 218 | 236 | 534 | 718 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 867 | 490 | 235 | 311 | 821 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 1905 | 2233 | 2202 | 2214 | 2522 |  |
| 4 | Bán trú | 1530 | 1906 | 1895 | 1941 | 1281 |  |
| 5 | Nội trú |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp học | 42 | 42 | 42 | 45 | 45 |  |
| 7 | Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi | 765-100% | 486-100% | 212-100% | 293-100% | 809-100% |  |
| *Nữ* |  |  |  |  |  |  |
| *Dân tộc thiểu số* |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 60 | 39 | 58 | 39 |  |  |
| *Nữ* | 40 | 25 | 27 | 27 |  |  |
| *Dân tộc thiểu số* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2014 - 2015** | **Năm học 2015 - 2016** | **Năm học 2016 - 2017** | **Năm học 2017 - 2018** | **Năm học 2018 - 2019** | **Ghi chú** |
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỉ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |
| Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |
| Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

1.Tình hình chung của trường

Trường Tiểu học Trần Văn Danhtọa lạc tại địa chỉ số 11A đường Đặng Thúc Vịnh, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đây là trường công lập được thành lập theo Quyết định số 58/QĐ - UBND ngày 25 tháng 6 năm 2007 của Uỷ ban nhân dân huyện Hóc Môn. Trường được tách ra từ trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám từ năm học 2007 – 2008, hoạt động tại địa điểm Hương lộ 80B, ấp 4, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn. Tại thời điểm này, nhà trường có 16 lớp học. Đến đầu năm học 2013-2014, trường Tiểu học Trần Văn Danh dời về cơ sở mới (số 11A, ấp 7, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh) trên diện tích khuôn viên trường 13.011m2gồm 49 phòng học, 16 phòng chức năng.

Với nhu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội, trường mở loại hình lớp học 2 buổi/ngày từ năm học 2013-2014đến nay trường đạt 100% học sinh học 2 buổi/ngày. Nhà trường đã tổ chức dạy chương trình Tiếng Anh đề án từ năm học 2013-2014 và Tiếng Anh tự chọn từ năm học 2011-2012. Nhà trường thực hiện đổi mới quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy, lấy học sinh làm trung tâm, ứng dụng công nghệ thông tin vào bài giảng, giáo viên tích cực tham gia giảng dạy giáo án điện tử, sử dụng bảng tương tác (GV Tiếng Anh)

Năm học 2018 - 2019, toàn trường có 90 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn. Tập thể sư phạm nhà trường luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, dân chủ, có trách nhiệm trong công việc; giáo viên năng động, sáng tạo, luôn học hỏi, tìm tòi, tích cực vận dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát huy năng lực học tập của học sinh.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt truyền thống, lễ hội, tham quan ngoại khóa nhằm giáo dục tư tưởng, rèn luyện kỹ năng sống, ý thức tuân thủ pháp luật, phát triển năng khiếu…góp phần hình thành, phát triển nhân cách toàn diện cho học sinh.

Trường Tiểu học Trần Văn Danh có một quá trình phát triển bền vững: Được công nhận Tập thể Lao động Xuất sắc nhiều năm liền, được tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt được đội ngũ giáo viên và học sinh tích cực tham gia hưởng ứng. Chất lượng giáo dục, các hoạt động phong trào có hiệu quả, đi vào chiều sâu và đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của cha mẹ học sinh và xã hội.

**Các giá trị truyền thống của Trường Tiểu học Trần Văn Danh**

Xây dựng tốt khối đoàn kết nội bộ, vượt qua mọi khó khăn, thời cơ, thách thức; không ngừng sáng tạo, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, phấn đấu từng bước đưa nhà trường ngày một phát triển.

Thực hiện tốt các chủ trương chính sách xã hội hoá giáo dục của thành phố, của Đảng và nhà nước; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất ổn định, khang trang, sạch đẹp, hiện đại.

**Sứ mệnh và tầm nhìn của nhà trường**

Sứ mệnh

Tạo dựng một môi trường thân thiện, kỷ cương, chất lượng tốt, hiệu quả cao để mỗi học sinh phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ. Cung cấp nền tảng kiến thức vững chắc cho học sinh bằng nhiều phương pháp giáo dục tích cực, tiên tiến để các em chủ động tiếp thu kiến thức, phát triển tư duy, hình thành nhân cách, rèn luyện kỹ năng sống; có khả năng thích ứng với xã hội và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn

Xây dựng trường Tiểu học Trần Văn Danh trở thành môi trường giáo dục thân thiện, tích cực, chất lượng cao; là nơi để gia đình và xã hội đặt trọn niềm tin; học sinh yêu thích trong học tập và rèn luyện;cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên không ngừng nỗ lực, sáng tạo và vươn lên.

2. Mục đích tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, nhà trường xác định đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; từ đó lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của Trường Tiểu họcTrần Văn Danh để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường tiểu học không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

3.Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Để tổ chức tự đánh giá, hiệu trưởng đã thông qua Quyết định số 32/QĐ-TTT ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá. Trong buổi họp hội đồng giáo dục nhà trường, hiệu trưởng đã triển khai đầy đủ đến toàn thể các thành viên về Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

Hội đồng tự đánh giá của Trường Tiểu học Trần Văn Danh gồm 15 thành viên đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tự đánh giá theo tiến độ như sau:

- Ngày 05 tháng 10 năm 2019: Hiệu trưởng triển khai kế hoạch tự đánh giá.

- Ngày 7 tháng 10 năm 2019: Hiệu trưởng tập huấn Hội đồng tự đánh giá việc thực hiện viết báo cáo tự đánh giá từng tiêu chuẩn, tiêu chí (chuyên sâu). Và phân công các thành viên Hội đồng tự đánh giá viết báo cáo theo tiêu chuẩn phụ trách; phân nhóm thư ký.

- Từ ngày 8 tháng 10 năm 2019 đến ngày đến ngày 30 tháng 12 năm 2019: Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí. Nhóm công tác phân loại và mã hóa các minh chứng thu được, cá nhân viết phiếu đánh giá tiêu chí.

-Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 05 tháng 01 năm 2020: Thư ký tổng hợp các tiêu chuẩn từ các thành viên.

- Từ ngày 6 tháng 01 năm 2020 đến ngày 20 tháng 1 năm 2020: Chỉnh sửa báo cáo tự đánh giá

- Từ ngày 21 tháng 01 năm 2020 đến 20 tháng 02 năm 2020: Hoàn chỉnh và nộp Báo cáo tự đánh giá nhà trường về Phòng Giáo dục và Đào tạo

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁTIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**:

Trường đảm bảo cơ cấu tổ chức đúng theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Các hội đồng, các tổ chức chính trị đoàn thể trong nhà trường có quyết định thành lập và hoạt động tích cực mang lại hiệu quả cao. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các khối lớp có cơ cấu tổ chức và thực hiện nhiệm vụ đúng quy định.

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý các hoạt động giáo dục, xây dựng chiến lược phát triển nhà trường, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong việc thực hiện nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các cơ quan quản lý giáo dục về quản lý hành chính, tài chính, tài sản, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

An ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo cho học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Trường đã tổ chức xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2017 - 2022 có sự tham gia của Hội đồng trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-01].

Kế hoạch chiến lược được xác định bằng văn bản, đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn 2017-2022 và các nguồn lực của nhà trường. Tuy vậy, việc tuyên truyền, phổ biến chiến lược phát triển nhà trường đến với Ban đại diện Cha mẹ học sinh và toàn thể nhân dân địa phương còn hạn chế về hình thức [H1-1.1-01].

Kế hoạch chiến lược được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H2-1.1-02].

1.2. Mức 2:

Kế hoạch chiến lược xây dựng có những định hướng lớn, thể hiện hình ảnh hiện thực trong tương lai mà nhà trường mong muốn đạt tới và các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hóc Môn theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường trên nền tảng khả năng hiện tại, đảm bảo cho nhà trường có được sự phát triển vượt bậc [H3-1.1-03].

1.3.Mức 3:

Trường thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm trong Hội đồng trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhằm bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược phát triển phù hợp với sự phát triển của giáo dục địa phương và xu thế phát triển hội nhập quốc tế của xã hội [H4-1.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục, có sự phê duyệt của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn, được niêm yết công khai.

**3. Điểm yếu**

Hình thức công khai kế hoạch Chiến lược phát triển của nhà trường đến toàn thể cha mẹ học sinh và nhân dân địa phương chưa phong phú.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2018 - 2019, hiệu trưởng tổ chức triển khai đến cha mẹ học sinh và cộng đồng về phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường thông qua các buổi họp giao ban định kỳ tại địa phương, họp cha mẹ học sinh lớp.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 101/QĐ-GDĐT ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn gồm có 11 thành viên [H5-1.2-05]. Hội đồng trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ trường tiểu học. Hội đồng trường tổ chức họp định kỳ tối thiểu 03 lần/năm để triển khai phương hướng hoạt động theo mục tiêu chiến lược phát triển nhà trường trong từng giai đoạn, thực hiện kế hoạch năm học, giải quyết những vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; ngoài ra còn tổ chức các buổi họp đột xuất khi cần để giải quyết những vấn đề phát sinh [H4-1.1-04].

Mỗi năm học, hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng với đầy đủ thành phần theo Khoản 1, Điều 24 Điều lệ trường tiểu học; Hội đồng sáng kiến kinh nghiệm thực hiện chức năng tư vấn, tham mưu, thẩm định, công nhận sáng kiến cấp cơ sở và đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh theo các quy định pháp luật hiện hành về Điều lệ sáng kiến [H5-1.2-05].

Cuối năm trường tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của từng hội đồng, đề xuất những giải pháp cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động của các hội đồng trong năm học tiếp theo [H4-1.1-04].

1.2. Mức 2:

Hội đồng trường hoạt động có hiệu quả, sinh hoạt theo đúng quy định góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H5-1.2-05].

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập đúng quy định, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Các thành viên của Hội đồng trường có sự thay đổi do công tác nhân sự của ngành giáo dục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2018 - 2019, hiệu trưởng đảm bảo thực hiện kịp thời tờ trình đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn kiện toàn nhân sự Hội đồng trường nhằm đáp ứng nhu cầu công việc được phân công.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Chi bộ trường Tiểu học Trần Văn Danh được thành lập theo Quyết định số10-QĐ/ĐU của Đảng ủy xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn ngày 8 tháng 3 năm 2011 gồm 19 đảng viên chính thức, 04 đảng viên dự bị; Chi bộ trực thuộc Đảng ủy xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn [H6-1.3-06]. Tổ chức công đoàn trường được thành lập theo Quyết định số 57/QĐ-CĐGD của Công đoàn Giáo dục huyện Hóc Môn ngày 16 tháng 10 năm 2017 và hoạt động theo Điều lệ gồm 90 công đoàn viên, trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn [H7-1.3-07]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 57-QĐ/ĐTN của Ban chấp hành Đoàn xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn ngày 14 tháng 11 năm 2017 với 32 đoàn viên. Chi đoàn sinh hoạt theo chương trình hoạt động của Ban chấp hành Đoàn xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn [H8-1.3-08]. Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có 1022 đội viên và 1557 Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh [H9-1.3-09]. Ngoài ra, tổ chức xã hội trong trường còn có Ban đại diện Cha mẹ học sinh, Chi hội Khuyến học được tổ chức và hoạt động theo quy định [H10-1.3-10].

1.2. Mức 2:

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định. Kết quả đánh giá Chi bộ: từ năm 2014 đến 2017 Chi bộ được đánh giá Chi bộ trong sạch vững mạnh; Từ năm 2018 đến nay Chi bộ Hoàn thành tốt nhiệm vụ[H6-1.3-06].

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường [H7-1.3-07]; [H8-1.3-08]; [H9-1.3-09]; [H10-1.3-10].

1.3. Mức 3:

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức đảm bảo theo quy định, lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật. từ năm 2014 đến 2017 Chi bộ được đánh giá Chi bộ trong sạch vững mạnh; Từ năm 2018 đến nay Chi bộ Hoàn thành tốt nhiệm vụ[H6-1.3-06].

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường, của ngành giáo dục và địa phương. Kết quả đánh giá hoạt động công đoàn trong 05 năm liên tiếp đạt Công đoàn vững mạnh xuất sắc. Chi đoàn trong 05 năm liên tiếp đạt Chi đoàn vững mạnh [H7-1.3-07]; [H8-1.3-08]; [H9-1.3-09]; [H10-1.3-10].

**2. Điểm mạnh**

Các tổ chức chính trị, xã hội, các đoàn thể trong nhà trường đã tổ chức hoạt động theo đúng quy định; thể hiện tốt vai trò lãnh đạo, tư vấn cho hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Phần lớn do công tác chuyên môn chiếm nhiều thời gian, công tác và phong trào Đoàn xã thường xuyên tổ chức vào ban đêm nên đôi khi Chi đoàn tham gia số lượng đoàn viên còn ít.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 - 2020, hiệu trưởng chỉ đạo Ban chấp hành chi đoàn tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động, nội dung sinh hoạt định kỳ; rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi các đợt hoạt động Đoàn xã tổ chức. Đồng thời tạo điều kiện cho đoàn viên tham ghia tốt các phong trào do Đoàn cấp trên tổ chức nhằm đảm bảo chỉ tiêu đề ra.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Trường có hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đảm bảo số lượng đối với trường hạng I; thực hiện chức năng tổ chức, quản lý các hoạt động của nhà trường theo Điều 20, Điều 21 Điều lệ trường tiểu học [H11-1.4-11].

Nhà trường thành lập 07 tổ chuyên môn (bao gồm khối 1, 2, 3, 4, 5, tổ văn thể mỹ, tổ tiếng Anh) và tổ văn phòng được hiệu trưởng phân công nhiệm vụ từ đầu năm học theo đúng chức năng quy định của Điều lệ trường tiểu học [H5-1.2-05].

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể và thực hiện theo đúng chức năng, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụtheo Điều 18,19 của Điều lệ trường tiểu học: Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ; tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo quy định của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học và các quy định khác hiện hành; giới thiệu tổ trưởng, tổ phó; đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên [H12-1.4-12]; [H13-1.4-13];[H14-1.4-14].

Hằng tháng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần và có thể họp đột xuất theo yêu cầu của công việc. Nội dung sinh hoạt tập trung nhận định, đánh giá, rút kinh nghiệm trong hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục, các công việc đã thực hiện trong tháng và đề ra phương hướng nhiệm vụ trọng tâm cho thời gian kế tiếp [H12-1.4-12].

1.2. Mức 2:

Mỗi năm học, dựa trên nhu cầu thực tế của từng tổ khối, các tổ chuyên môn đã đề xuất và xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề. Mỗi tổ khối thực hiện ít nhất 01 chuyên đề/học kỳ nhằm giúp giáo viên học tập, nâng cao tay nghề, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H15-1.4-15].

Hằng tháng, các tổ chuyên môn có rà soát, đánh giá và đề ra biện pháp thực hiện nhiệm vụ được giao.Tổ văn phòng nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được phân công [H16-1.4-16].

1.3. Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng ngày càng đi vào chiều sâu đã giúp đội ngũ giáo viên, nhân viên ngày càng vững vàng trong chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo tốt cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường góp phần trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H12-1.4-12].

Trong các năm học qua, tổ chuyên môn đã thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Tuy nhiên, việc vận dụng chuyên đề vào hoạt động dạy học thực tế giữa các giáo viên chưa đồng bộ [H14-1.4-14].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đảm bảo đầy đủ số lượng cán bộ quản lý; các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được thành lập theo tổ khối với số lượng phù hợp, đúng theo quy định, thuận tiện cho việc sinh hoạt trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn.

Các tổ khối có đầy đủ kế hoạch hoạt động và thực hiện đúng nhiệm vụ, chức năng theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Việc vận dụng nội dung chuyên đề vào hoạt động giảng dạy chưa đồng bộ giữa các giáo viên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019 - 2020, phó hiệu trưởng chuyên môn tăng cường kiểm tra việc vận dụng chuyên đề vào giảng dạy của giáo viên thông qua công tác thăm lớp dự giờ, trao đổi chuyên môn. Đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên môn, chú trọng nội dungđánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện chuyên đề, đề xuất giải pháp hiệu quả hỗ trợ các giáo viên gặp khó khăn trong việc đổi mới phương pháp dạy học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học**

Mức 1:

a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;

b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;

b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;

c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các khối lớp từ khối 1 đến khối 5 theo đúng quy định Điều lệ trường tiểu học [H17-1.5-17].

Học sinh được tổ chức theo lớp học. Lớp học có lớp trưởng, 01 hoặc 02 lớp phó do tập thể học sinh bình bầu dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp. Mỗi lớp học được chia thành các tổ học sinh; mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó do tập thể học sinh bình bầu dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp [H17-1.5-17].

Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh tổ chức các hoạt động của lớp đảm bảo theo nguyên tắc tự quản, dân chủ [H17-1.5-17];[H18-1.5-18].

1.2. Mức 2:

Năm học 2019 - 2020, Trường Tiểu học Trần Văn Danh có 2579 học sinh được biên chế vào 55 lớp [H17-1.5-17].

Nhà trường tổ chức các lớp học một cách linh hoạt và phù hợp với hình thức hoạt động giáo dục của các khối lớp. Mỗi lớp học đều có lớp trưởng, các lớp phó, các tổ trưởng và tổ phó do tập thể học sinh bầu chọn [H17-1.5-17]. Giáo viên chủ nhiệm và giáo viên giảng dạy bộ môn phối hợp tổ chức nhiều hoạt động giáo dục trên lớp hiệu quả với nhiều hình thức phong phú thu hút học sinh tham gia [H18-1.5-18]; [H19-1.5-19].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các khối lớp cấp tiểu học từ khối 1 đến khối 5 theo đúng quy định. Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa đảm bảo sĩ số học sinh 35 em/lớp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2018 - 2019 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu lãnh đạo cấp trên nhằm đảm bảo sĩ số học sinh đúng theo quy định.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Trường thực hiện đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục trong trường như: Sổ đăng bộ, sổ theo dõi kết quả kiểm tra đánh giá học sinh hoặc sổ theo dõi chất lượng giáo dục,học bạ của học sinh, sổ nghị quyết và kế hoạch công tác, phần mềm quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, sổ khen thưởngsổ quản lý tài sản, tài chính, sổ theo dõi công văn đi, đến [H17-1.5-17]; [H20-1.6-20]; [H21-1.6-21]; [H4-1.1-04]; [H22-1.6-22]; [H14-1.4-14]; [H23-1.6- 23]; [H24-1.6-24].

Đảm bảo việc thực hiện lưu trữ hồ sơ, văn bản đầy đủ, có cập nhật đúng quy định về các chế độ chính sách; chuyên môn nghiệp vụ theo đúng Luật Lưu trữ, báo cáo đầy đủ các thông tin qua địa chỉ email, website giữa trường với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn [H22-1.6-22].

Nhà trường thực hiện đúng các quy định pháp luật về quản lý tài sản, tài chính hiện hành. Hằng năm, kế toán lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản. Lưu hồ sơ chứng từ, báo cáo tài chính [H23-1.6-23]; [H25-1.6-25].

Tất cả các nguồn kinh phí huy động đều được công khai rõ ràng minh bạch về nguồn thu và mục đích sử dụng trước tập thể sư phạm, cha mẹ học sinh [H26-1.6-26];[H27-1.6-27]. Định kỳ, trường tự kiểm tra tài chính, tài sản; Bộ phận phụ trách tài vụ tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm tra công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hóc Môn giám sát, kiểm tra hoạt động tài chính [H28-1.6-28];[H29-1.6-29]. Quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng đã được thông qua và lấy ý kiến biểu quyết trong Hội nghị cán bộ công chức, viên chức đầu năm; định kỳ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H26-1.6-26].

1.2. Mức 2:

Nhà trường tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản thông qua các chương trình quản lý [H22-1.6-22].

Công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản được thực hiện đúng theo quy định; trong 05 năm liên tiếp, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H29-1.6-29].

**2. Điểm mạnh**

Trường có hệ thống các văn bản quy định về quản lý hành chính, tài chính, tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ đầy đủ, khoa học. Việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản, công khai tài chính và thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

Các phần mềm quản lý hành chính, tài chính, tài sản được khai thác và sử dụng có hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Ban Thanh tra nhân dân của trường chưa có nghiệp vụ kế toán nên gặp nhiều khó khăn trong việc kiểm tra tài chính định kỳ, đột xuất.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm học 2018 - 2019, hiệu trưởng tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý tài chính, tài sản cho Ban chấp hành Công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân để thực hiện tốt hơn việc kiểm tra tài chính, tài sản của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng:**

1.1. Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao tay nghề chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ [H31-1.7-31]. Hằng năm, giáo viên, nhân viên tham gia đầy đủ các lớp học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị.

Đầu mỗi năm học, hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhà trường một cách cụ thể, phù hợp năng lực cá nhân, kỹ năng sư phạm, sự am hiểu về tâm sinh lý học sinh nhằm đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H32-1.7-32].

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định. Giáo viên được nhà trường tạo điều kiện về trường, lớp, sách giáo khoa và đồ dùng dạy học tối thiểu để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định khi được cử đi học; được hưởng lương theo hệ số, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định của Chính phủ; được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ theo chế độ bảo hiểm y tế; hưởng các chính sách quy định đối với nhà giáo và các quyền lợi ghi trong nghị quyết Hội nghị cán bộ công chức, viên chức; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo quy chế dân chủ tại cơ sở và quy chế đối thoại với người lao động [H33-1.7-33]; [H34-1.7-34]; [H27-1.6-27].

1.2. Mức 2:

Nhà trường có đề ra các biện pháp nhằm bồi dưỡng, phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H31-1.7-31]; [H7-1.3-07].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao tay nghề chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ. Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý và phục vụ hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học.

**3. Điểm yếu**

Nhân viên văn thư chưacó bằng trung cấp chuyên ngành văn thư – lưu trữ theo qui định

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm học 2018 - 2019, Chi hội Khuyến học nhà trường sẽ hỗ trợ một phần kinh phí để tạo điều kiện cho nhân viên văn thư tham gia lớp học bồi dưỡng về Quản trị văn phòng và công tác văn thư, lưu trữ đúng chuyên ngành.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng:**

1.1. Mức 1:

Kế hoạch giáo dục của trường được xây dựng đảm bảo nguyên tắc: Đúng với quy định hiện hành, bám sát phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn; các kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H35-1.8-35].

Nhà trường thực hiện đầy đủ khung chương trình môn học theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình giáo dục phổ thông. Các kế hoạch giáo dục được tổ chức thực hiện đầy đủ theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Tuy nhiên, vẫn còn giáo viên tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh đạt hiệu quả chưa cao.Thời khoá biểu sắp xếp khoa học, phù hợp tâm sinh lý học sinh tiểu học; thực hiện hiệu quả các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo vào hoạt động giảng dạy [H18-1.5-18]; [H36-1.8-36]. Tích cực đổi mới về kiểm tra đánh giá học sinh theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện kế hoạch giảng dạy tiếng Anh đề án. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, thực hiện tốt nếp sống văn minh, mỹ quan đô thị [H35-1.8-35]; [H36-1.8-36].

1.2. Mức 2:

Nhà trường đề ra các biện pháp chỉ đạo, rà soát kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm đối với các hoạt động giáo dục trong quá trình tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết [H16-1.4-16]; [H1-1.1-01]. Kế hoạch giáo dục của trường được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H37-1.8-37].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường quản lý tốt các hoạt động giáo dục; những giải pháp để thực hiện kế hoạch đảm bảo tính khoa học, hợp lý, phù hợp thực tế và có sự thống nhất chung của toàn đơn vị nên mang lại hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, hoạt động dạy học trong nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Một vài giáo viên chưa linh hoạt, chủ động trong việc xây dựng kế hoạch dạy học cá nhân theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm học 2018 - 2019, các tổ chuyên môn tăng cường trao đổi, đề xuất các định hướng đổi mới trong xây dựng kế hoạch dạy học theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực, vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn cuộc sống.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Nhà trường thực hiện có hiệu quả những quy định trong Luật Giáo dục, Quyết định 04/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 01 tháng 3 năm 2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường theo phương châm “Dân biết - Dân bàn - Dân làm - Dân kiểm tra” và Thông tư 36/2017/BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện “3 công khai, 4 kiểm tra”; thực hiện có hiệu quả các quy định trong Bộ Luật lao động và Luật Công đoàn 2012. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường theoQuyết định số 04/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 01 tháng 3 năm 2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công tác tuyên truyền về thực hiện quy chế dân chủ được thực hiện đầy đủ nhưng đôi lúc chưa kịp thời [H38-1.9-38].

Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) của cán bộ giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh nếu thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được giải quyết hợp tình, hợp lý đúng quy định pháp luật [H39-1.9-39].

Hằng năm, nhà trường đều có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H38-1.9-38].

1.2. Mức 2:

Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ về việc thực hiện quy chế dân chủ, tập trung vào những vấn đề nóng như việc thu chi tài chính, dạy thêm học thêm, đạo đức nhà giáo, thực hiện quy chế dân chủ. Cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện quy chế dân chủ. Công khai định kỳ kết quả kiểm tra, đánh giá thực hiện Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức. Việc tiếp thu, giải trình của hiệu trưởng đối với ý kiến đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được quan tâm đúng mức, ghi đầy đủ trong biên bản, nghị quyết [H27-1.6-27].

**2. Điểm mạnh**

Trường đảm bảo thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở,mỗi thành viên trong nhà trường đều xác định rõ vai trò, vị trí, trách nhiệm của mình trong thực thi công vụ. Từ đó, tạo được những bước chuyển biến rõ nét về mặt chất lượng, nền nếp kỷ cương được thiết lập; quán triệt trong đội ngũ về mặt nhận thức cũng như tình cảm làm tiền đề để mỗi thành viên tự phấn đấu vươn lên đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao trong công tác giáo dục. Những giải pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở được nhà trường thực hiện công khai, minh bạch, hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Công tác tuyên truyền các nội dung về việc thực hiện Quy chế dân chủ trong trường học đôi lúc chưa thường xuyên do Ban chỉ đạo thực hiện công tác kiêm nhiệm. Vì vậy, thời gian dành cho công việc chưa đảm bảo.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018 - 2019, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức và năng lực hiểu biết ý nghĩa và tầm quan trọng của việc đảm bảo quy chế dân chủ; tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng; xây dựng và ban hành các quy định, cụ thể hóa các quy chế theo phương châm “Dân biết - Dân bàn - Dân làm - Dân kiểm tra”phù hợp với điều kiện của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch, quy chế, các phương án đảm bảo an toàn trường học; phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn thực phẩm; phòng tránh các hiểm họa thiên tai bão, lũ lụt [H40-1.10-40]. Đồng thời phối hợp với địa phương đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, cổng trường thông thoáng, sạch đẹp; định kỳ kiểm tra thường xuyên các thiết bị điện, các thiết bị phòng cháy, chữa cháy để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh [H41-1.10-41]. Hằng năm, bộ phận y tế xây dựng các kế hoạch chăm sóc sức khỏe học sinh, giáo viên; có kế hoạch phòng, chống dịch bệnh, phương án xử lý ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường. Triển khai trong tập thể sư phạm, tuyên truyền giáo dục học sinh, thực hiện góc tuyên tuyền, sân chơi đầu tuần, tổ chức thi tìm hiểu về các nội dung đảm bảo an toàn trường học [H42-1.10-42]; [H4-1.1-04].

Trường có hộp thư góp ý, điện thoại để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của phụ huynh học sinh và người dân. Nhà trường thực hiệnkế hoạch bảo đảm an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh: Cổng rào an toàn, bảo vệ trực 24/24 giờ, hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy luôn được kiểm tra và vận hành tốt [H44-1.10-44]. Phòng y tế nhà trường có cán bộ chuyên trách, tủ thuốc được trang bị đầy đủ và đúng quy định. Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền, không để xảy ra các tệ nạn xã hội trong nhà trường. Luôn giáo dục học sinh các kỹ năng biết tự bảo vệ mình, biết đề phòng kẻ gian, rèn luyện kỹ năng tự chăm sóc cá nhân [H42-1.10-42];[H45-1.10-45]. Trong nhiều năm liền, trường được công nhận trường học an toàn [H43-1.10-43].

Trong nhiều năm học qua, nhà trường thực hiện tốt phong trào“Trường học thân thiện, học sinh tích cực”; không phân biệt kỳthị với bất kỳ học sinh nào, thường xuyên quan tâm đến học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H42-1.10-42];[H17-1.5-17]; [H10-1.3-10]. Xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, không để tình trạng trách phạt học sinh, bạo lực xảy ra trong nhà trường [H1-1.1-1].Thực hiện tốt những quy định về bình đẳng giới, đảm bảo cơ hội như nhau cho nữ giới và nam giới làm việc, học tập và phát triển.Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của người [công dân](https://vi.wikipedia.org/wiki/Quy%E1%BB%81n_c%C3%B4ng_d%C3%A2n), người [lao động](https://vi.wikipedia.org/wiki/Lao_%C4%91%E1%BB%99ng), người mẹ, người thầy đầu tiên của con người; không để xảy ra vi phạm về bình đẳng giới trong nhà trường.

1.2. Mức 2:

Nhà trường đã chú trọng xây dựng kế hoạch phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H36-1.8-36]; [H40-1.10-40]; [H42-1.10-42].

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.1-01];[H40-1.10-40]; [H43-1.10-43].

Trường tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với thực tế, mời chuyên gia tập huấn chuyên đề, quan tâm học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức tốt công tác tư vấn trường học [H36-1.8-36]; [H46-1.10-46].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã thành lập ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, tổ chức thực hiện đồng bộ và có hiệu quả. Được sự phối hợp của cơ quan chức năng phường, quận để thực hiện các công tác này.

100% cán bộ, giáo viên, công nhân viên, học sinh thực hiện tốt về quyền và trách nhiệm của mình. Không có xảy ra kì thị, vi phạm về giới và bạo lực trong nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Học sinh của nhà trường còn nhỏ nên việc phòng, chống tai nạn thương tích còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm học 2018 - 2019, nhà trường sẽ thường xuyên thực hiện tốt việc giảng dạy lồng ghép phòng chống tai nạn thương tích trong chương trình chính khóa và ngoại khóa. Tăng cường kiểm tra cơ sở vật chất, có biện pháp phòng ngừa tai nạn, thương tích xảy ra.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1**

**Điểm mạnh nổi bật**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn 2017-2022 và các nguồn lực của nhà trường.

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức theo quy định: Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội đồng trường và các tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiều năm liền.

Nhà trường có đủ cán bộ quản lý và các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Các tổ có kế hoạch hoạt động và thực hiện đúng nhiệm vụ, chức năng, đồng bộ và hiệu quả theo quyđịnh; có đủ các khối lớp cấp tiểu học (từ khối 1 đến khối 5) theo đúng quy định. Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý chương trình giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, quản lý đất đai, tài sản, tài chính, cơ sở vật chất đạt hiệu quả.

Hằng năm, nhà trường có đầy đủ các kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao tay nghề chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ và phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Đảm bảo chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, tổ chức thực hiện đồng bộ và có hiệu quả. Được sự phối hợp của cơ quan chức năng địa phương để thực hiện các công tác này. 100% cán bộ, giáo viên, công nhân viên, học sinh thực hiện tốt về quyền và trách nhiệm của mình. Không xảy ra trường hợp kỳ thị, vi phạm về giới và bạo lực trong nhà trường.

Trong các năm qua, hoạt động của nhà trường đã đi vào nền nếp, ổn định và ngày càng được hoàn thiện. Dân chủ trong nhà trường luôn được phát huy tạo được sự đoàn kết thống nhất cao. Từ đó đã góp phần thúc đẩy các hoạt động, đưa chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng nâng cao, tạo niềm tin trong học sinh, tập thể sư phạm, cha mẹ học sinh, địa phương và lãnh đạo cấp trên.

**Điểm yếu cơ bản**

Xung quanh trường còn người dân buôn bán nhỏ nên làm ảnh hưởng tới giờ ra về của học sinh và phụ huynh.

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:**10/10

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/10

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu:**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên là nhân tố quan trọng, quyết định chất lượng và hiệu quả hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý có đủ sức khoẻ, năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo, nhiệt tình và năng động trong công tác quản lý. Giáo viên, nhân viên được biên chế đủ theo yêu cầu của Điều lệ trường tiểu học, được đảm bảo các chế độ, chính sách hiện hành. Nội bộ nhà trường đoàn kết, không có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bị xử lý kỷ luật về chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức. Học sinh thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của học sinh tiểu học, được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định.

**Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đạt chuẩn về trình độ đào tạo, ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị theo quy định.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định: Lớp bồi dưỡng Chuẩn hiệu trưởng, lớp bồi dưỡng hiệu trưởng theo hình thức liên kết Việt Nam - Singapore [H47-2.1-01].

Lãnh đạo nhà trường được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.Trong 05 năm liên tiếp, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng 1 được đánh giá xuất sắc theo quy định của Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học; phó hiệu trưởng 2 mới bổ nhiệm tháng (3/2019)[H48-2.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Lãnh đạo nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo Quy định tại Điều lệ trường tiểu học và được đánh giá xếp loại xuất sắc theo Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học.

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, vị trí đang đảm nhiệm.

**3. Điểm yếu**

Lãnh đạo nhà trường đôi khi sắp xếp, phân bổ thời gian công việc chưa hợp lí.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2018 - 2019 và những năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường tiếp tục tự học, tự rèn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như phẩm chất chính trị đạo đức, lối sống để quản lý tốt nhà trường đáp ứng với yêu cầu đổi mới của giáo dục. Phó hiệu trưởng tiếp tục tự bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục bằng cách nghiên cứu tài liệu, truy cập thông tin trên mạng; trao đổi với hiệu trưởng để chỉ đạo giáo viên về lĩnh vực mình phụ trách có hiệu quả hơn.

Năm học 2018 - 2019, lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động đảm bảo về thời gian và phù hợp theo từng thời điểm.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 2.2**:**Đối với giáo viên**

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục tiểu học theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn ;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Trường có đủ số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học theo quy định của chương trình giáo dục tiểu học. Trường có 73 giáo viên dạy nhiều môn và dạy bộ môn được phân công giảng dạy 56 lớp, đạt tỉ lệ 1,12 giáo viên/lớp, chưa đúng theo quy định đối với trường dạy 2 buổi/ngày [H32-1.7-32].

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chức danh** | **Tổng số** | **Nữ** | **Đảng viên** | **Đoàn viên** | **Trình độ chuyên môn** | | | | **Tin học** | | | **Ghi chú** |
| ĐH | CĐ | Tú tài | Khác | **A** | **B** | **CN** |  |
| **Giáo viên dạy nhiều môn** | 59 | 58 | 13 | 20 | 44 | 14 | 01 |  | 34 | 20 | 05 |  |
| **Giáo viên bộ môn** | 14 | 12 | 01 | 01 | 05 | 09 |  |  | 10 | 03 | 01 |  |
| **Cộng** | **73** | **60** | **14** | **21** | **49** | **23** | **01** |  | **44** | **23** | **06** |  |

Nhà trường có 100% giáo viên đạt trên chuẩn đúng chuyên ngành đào tạo theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học [H47-2.1-01].

Trong 05 năm liên tiếp, tỉ lệ giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên là 100% [H13-1.4-13].

**2. Điểm mạnh**

Trong 05 năm liên tục, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

100% giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, giảng dạy của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Còn một số giáo viên chưa chủ động tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao tay nghề chuyên môn.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 2.3**:**Đối với nhân viên**

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Nhà trường đảm bảo số lượng nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H32-1.7-32].

Nhà trường phân công công việc, nhiệm vụ cho từng nhân viên phù hợp với năng lực và trình độ của mỗi cá nhân [H47-2.1-01].

Hằng năm, nhân viên của nhà trường luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H49-2.3-03].

1.2. Mức 2:

Trường có các nhân viên đảm bảo quy định phụ trách từng bộ phận như: Kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế trường học. Tuy nhiên bộ phận thủ quỹ, văn thư, thư viện - thiết bị chưa là viên chức nhà trường. [H32-1.7-32].

Tất cả nhân viên đều được phân công công việc phù hợp, theo năng lực của từng cá nhân. Trong 05 năm liên tiếp, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H49-2.3-03];[H1-1.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đảm bảo các quyền của nhân viên theo quy định.

Nhân viên thực hiện hiệu quả công tác hành chính, tài chính và chăm sóc tốt sức khỏe cho học sinh.

**3. Điểm yếu**

Còn một số nhân viên chưa đào tạo đúng vị trí việc làm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2018 – 2019 và những năm tiếp theo nhà trường xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho nhân viên: thủ quỹ, thư viện, văn thư – học vụ tham gia học lớp chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 2.4**:**Đối với học sinh**

Mức 1:

a ) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường*.*

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Nhà trường đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo đúng quy định Điều lệ trường tiểu học [H17-1.5-17].

Học sinh thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường tiểu học[H17-1.5-17];[H50-2.4-04];[H2-1.1-02].

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định Điều lệ trường tiểu học và các quy định khác [H21-1.6-21];[H1-1.1-01].

1.2. Mức 2:

Nhà trường xây dựng các biện pháp giáo dục học sinh phân biệt các hành vi không được làm nhằm giúp các em thực hiện tốt các hành vi đạo đức phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi [H17-1.5-17];[H12-1.4-12].

1.3. Mức 3:

Học sinh của nhà trường luôn đạt được thành tích tốt trong học tập và rèn luyện [H17-1.5-17];[H1-1.1-01]; [H51-2.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Học sinh được đảm bảo quy định về độ tuổi; được nhà trường quan tâm, chăm sóc và đối xử bình đẳng; được phát huy các quyền của học sinh theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ trường tiểu học.

**3. Điểm yếu**

Còn một số học sinh chưa thực hiện tốt nội quy nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2018 - 2019, trường tiếp tục thực hiện tốt việc tuyển sinh; quan tâm, chăm sóc, đối xử bình đẳng và đảm bảo các quyền của học sinh.

Giáo viên chủ nhiệm kết hợp với Tổng phụ trách Đội tăng cường giáo dục đạo đức, tác phong cho học sinh trong các tiết sinh hoạt ngoại khóa hằng tuần để học sinh luôn thực hiện tốt nội quy nhà trường.

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 3.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2**

**Điểm mạnh nổi bật**

Cán bộ quản lý của trường đảm bảo đủ về số lượng, cơ cấu, có tinh thần trách nhiệm cao, có kinh nghiệm nhiều năm trong giảng dạy, giúp đội ngũ luôn được nâng cao về trình độ chuyên môn.

**Điểm yếu cơ bản**

Còn một số ít nhân viên chưa chủ động tự học nâng cao trình độ chuyên môn.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 04/04.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/04.

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:**

Cơ sở vật chất của nhà trường đáp ứng được nhu cầu tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập. Xung quanh trường và các lớp học luôn có cây xanh đảm bảo bóng mát cho học sinh học tập, vui chơi. Các lớp học được trang trí theo đúng tinh thần mô hình VNEN. Lớp học đầy đủ ánh sáng, thoáng mát, bàn ghế đúng quy cách. Nhà vệ sinh được bố trí nam nữ riêng ở mỗi tầng lầu, đảm bảo nhu cầu sử dụng cho giáo viên và học sinh. Các trang thiết bị hỗ trợ dạy học, các loại sách trong danh mục tối thiểu được trang bị và bổ sung kịp thời. Thư viện nhà trường được xây dựng theo mô hình Thư viện xanh, đảm bảo phục vụ tốt cho nhu cầu đọc sách của giáo viên, nhân viên và học sinh.

**Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập**

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H53-3.1-01].

Trường có biển tên trường, có tường rào bao quanh. Trường được bố trí 01 cổng chính và 03 cổng phụ bằng sắt chắc chắn, cổng sau là lối thoát hiểm đồng thời là cổng cho học sinh ra về nhằm tránh ùn tắc giao thông khi học sinh tan học [H53-3.1-01]; [H53-3.1-02].

1.2. Mức 2:

Trường có tổng diện tích 13.011 m2 bình quân 5.8m2 /học sinh .

1.3. Mức 3:

Trường có sân chơi rộng rãi, có cây bóng mát, sân tập thể dục với nhiều môn thể thao như: Bóng rổ, bóng đá, cầu lông; có các dụng cụ tập thể dục có thể phục vụ nhiều học sinh cùng lúc; bố trí nhiều trò chơi dân gian xung quanh sân trường để các em tham gia các trò chơi ngoài trời, đáp ứng được nhu cầu vui chơi và giải trí của học sinh [H55-3.1-01]; [H23-1.6-23].

**2. Điểm mạnh**

Khuôn viên trường có nhiều cây xanh, môi trường luôn được đảm bảo sạch, đẹp, an toàn, thân thiện, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập và vui chơi. Trường có sân chơi rộng rãi, sân tập thể thao phù hợp cho học sinh học tập và tập luyện thường xuyên các môn thể thao theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Việc tập luyện các môn thể thao của học sinh còn hạn chế.

Trường chưa có nhà đa năng dành cho học sinh

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì, tăng cường mảng xanh cho khuôn viên trường; đảm bảo trường luôn sạch, đẹp.

Nhà trường tiếp tục trình các cấp lãnh đạo việc xây dựng nhà đa năng cho học sinh tập luyện thêm các môn thể thao học tập và rèn luyện.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 3.2: Phòng học**

Mức 1:

a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;

b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;

c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;

c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Trường có 49 lớp. Mỗi lớp được bố trí một phòng học cố định.

Phòng học có đủ bảng, bàn, ghế, tủ đảm bảo cho giáo viên tổ chức dạy học. 100% bàn ghế học sinh là bàn ghế 01 chỗ ngồi, đảm bảo yêu cầu về vệ sinh, sức khỏe, thể chất cho học sinh.

Lớp học có đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt, tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học cho giáo viên [H56-3.2-04]; [H57-3.2-05].

1.2. Mức 2:

Diện tích phòng học: 48 m2.

Mỗi lớp học đều có tủ đựng đủ các thiết bị dạy học phục vụ cho hoạt động giảng dạy của giáo viên.

Bàn ghế học sinh đảm bảo đúng kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế [H56-3.2-04]; [H56-3.2-05].

1.3. Mức 3:

Trường có 02 phòng giáo dục nghệ thuật, 02 phòng tin học, 02 phòng âm nhạc, 02 phòng ngoại ngữ [H57-3.2-05]; [H58-3.2-06]; [H23-1.6-23].

**2. Điểm mạnh**

Trường có phòng học riêng biệt, thoáng mát, trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết cho việc giảng dạy và học tập, đặc biệt có hiệu quả cho các tiết học vận dụng phương pháp dạy học mới và vận dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy. Trường có các phòng chức năng riêng biệt để giảng dạy các môn học năng khiếu, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Một số bàn ghế của học sinh chưa phù hợp với vóc dáng hiện nay của các em.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2018 - 2019, trường lên kế hoạch lập dự toán kinh phí, phối hợp với Ban đại diện Cha mẹ học sinh sửa chữa, nâng cao và cải tạo lại các bàn quá thấp so với vóc dáng của học sinh hiện nay.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị**

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Trường có đầy đủ các phòng chức năng theo quy định và đưa vào sử dụng để phục vụ tốt cho các hoạt động chuyên môn: 02 phòng giáo dục nghệ thuật, 02 phòng tin học, 02 phòng âm nhạc, 02 phòng ngoại ngữ, 01 phòng thư viện, 01 phòng thư viện thiết bị [H58-3.2-06]; [H23-1.6-23].

Khối phòng hành chính - quản trị: Văn phòng, phòng kế toán, phòng y tế, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng Đoàn- Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường [H57-3.2-05]; [H57-3.2-06]; [H23-1.6-23].

Trường có nhà xe riêng biệt dành cho giáo viên theo từng khu vực, đảm bảo an toàn trật tự và thẩm mỹ đúng theo quy định [H58-3.2-06].

1.2. Mức 2:

Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo theo quy định[H58-3.2-06].

Trường có phòng lưu trữ văn thư, hồ sơ và tài liệu chung được đặt ở khu văn phòng, đảm bảo việc lưu trữ hồ sơ một cách khoa học [H58-3.2-06]; [H23-1.6-23].

1.3. Mức 3:

Nhà trường có khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ thiết bị phục vụ cho công tác quản lý của nhà trường [H57-3.2-05]; [H57-3.2-06]; [H23-1.6-23].

**2. Điểm mạnh**

Trường có đủ khối phòng hành chính quản trị, khối phòng phục vụ học tập, các phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ tốt công tác quản lý, dạy và học.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa có bếp ăn để đáp ứng được yêu cầu phục vụ cho học sinh bán trú.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2018 - 2019, hiệu trưởng tiếp tục đề xuất các cấp lãnh đạo xây dựng bếp ăn (giai đoạn 2) để đáp ứng phục vụ học sinh bán trú.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

1.1. Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

1.2. Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Trường có khu vệ sinh dành riêng cho nam, dành riêng cho nữ cán bộ, giáo viên, nhân viên; riêng cho học sinh nam, học sinh nữ đảm bảo yêu cầu an toàn, thuận tiện, sạch sẽ [H59-3.4-07].

Trường có hệ thống thoát nước tốt, thông thoáng, có sơ đồ do công trình để lại để phục vụ sửa chữa khi cần thiết [H60-3.4-08].

Nhà trường có hợp đồng thu gom rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định [H61-3.4-09].

1.2. Mức 2:

Toàn bộ các nhà vệ sinh đều có đầy đủ lavabo rửa tay, nước sạch, xà phòng, ánh sáng đèn điện đảm bảo an toàn vệ sinh, được xây dựng ở vị trí phù hợp với cảnh quan nhà trường, trang trí đẹp, hấp dẫn mang thông điệp tích hợp giáo dục [H59-3.4-07]; [H23-1.6-23].

Nhà trường sử dụng nước máy để sinh hoạt, nấu ăn bán trú. Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đúng quy định. Trường có thùng đựng và phân loại rác thải riêng biệt. Rác thải được thu gom hằng ngày đảm bảo an toàn vệ sinh trường học [H60-3.4-08]; [H60-3.4-09].

**2. Điểm mạnh**

Trường có khu vệ sinh riêng cho giáo viên và học sinh, luôn đảm bảo khô, thoáng, sạch sẽ. Hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Hệ thống thoát nước đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường. Nhà vệ sinh luôn sạch sẽ, thoáng mát, trang trí mang tính giáo dục, thẩm mỹ.

**3. Điểm yếu**

Còn một số vật dụng nhà vệ sinh hư hỏng đôi khi sữa chữa không kịp thời nên còn ảnh hưởng đến vệ sinh chung.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2018 - 2019, nhân viên phục vụ tiếp tục duy trì việc thực hiện nhà vệ sinh sạch, đẹp; nhân viên bảo vệ, y tế thường xuyên theo dõi, kiểm tra vệ sinh bồn nước, mẫu nước để bảo đảm an toàn vệ sinh khi sử dụng. Giáo viên thường xuyên sinh hoạt nhắc nhở học sinh sử dụng nước hợp lí, tiết kiệm.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 3.5: Thiết bị**

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Trường có đầy đủ thiết bị văn phòng: Máy tính, máy in, máy photocopy... và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường [H23-1.6-23].

Trường trang bị đủ thiết bị dạy học theo quy định Thông tư 15/2009/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học [H62-3.5-10].

Hằng năm, các thiết bị của nhà trường đều được kiểm kê, sửa chữa đáp ứng nhu cầu tối thiểu theo quy định [H57-3.2-05]; [H63-3.5-11]; [H63-3.5-12].

1.2. Mức 2:

Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H65-3.5-13]; [H23-1.6-23].

Nhà trường trang bị đủ cho mỗi giáo viên có 01 bộ đồ dùng dạy học riêng theo danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định [H66-3.5-14].

Hằng năm, nhà trường bổ sung thêm các thiết bị dạy học và giáo viên tự làm thêm một số đồ dùng dạy học phục vụ cho công tác giảng dạy [H64-3.5-12]; [H67-3.5-15].

**2. Điểm mạnh**

Trường đảm bảo đầy đủ các thiết bị và đồ dùng dạy học nhằm phục vụ tốt hoạt động giảng dạy. Giáo viên thường xuyên sử dụng và tự làm đồ dùng dạy học; giáo viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

**3. Điểm yếu**

Đồ dùng dạy học tự làm của gáo viên còn hạn chế, chưa phong phú.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2018 - 2019, nhân viên thư viện - thiết bị sẽ kiểm tra lại và bổ sung thêm các tranh ảnh còn thiếu, đồng thời tăng cường khuyến khích giáo viên tự làm thêm các đồ dùng dạy học để bổ sung, thay thế.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 3.6: Thư viện**

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Thư viện nhà trường khang trang, rộng rãi (144 m2) được đầu tư xây mới, trang bị đủ số lượng sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, báo và tạp chí phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh [H58-3.2-06]; [H68-3.5-16].

Thư viện có xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng; lập và lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Thư viện mở cửa thường xuyên phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường, có hệ thống máy tính nối mạng internet [H58-3.2-06];[H69-3.5-17].

Hằng năm, thư viện bổ sung kịp thời các loại đầu sách, tạp chí phục vụ nhu cầu nghiên cứu của giáo viên và học sinh [H64-3.5-12]; [H70-3.6-18].

1.2. Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt khá trở lên (theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn quy định trường phổ thông) [H71-3.6-19].

1.3. Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện tei61n tiến nhiều năm liền [H71-3.6-19]. Thư viện có 01 máy tính có kết nối mạng internet, hệ thống wifi để giáo viên và học sinh truy cập mạng, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh [H23-1.6-23];[H58-3.2-06].

**2. Điểm mạnh**

Thư viện trường có nhiều hoạt động đạt hiệu quả. Tủ sách thư viện đảm bảo đủ sách báo, tài liệu tham khảo đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**3. Điểm yếu**

Thư viện còn hoạt động truyền thống, chưa hoàn thiện việc xây dựng thư viện số theo hướng hiện đại.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2018 - 2019, cán bộ phụ trách thư viện sẽ tham mưu với cán bộ quản lý nhà trường đẩy mạnh công tác hoàn thiện việc xây dựng thư viện số theo hướng hiện đại.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

**Điểm mạnh nổi bật**

Trường có khuôn viên riêng biệt, nhiều cây xanh, thoáng mát, sạch sẽ. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường đảm bảo đủ theo quy định, được đầu tư nhiều trang thiết bị hiện đại phục vụ hiệu quả công tác giáo dục. Thư viện trường được trang trí thân thiện, tổ chức nhiều hoạt động phong phú xuyên suốt năm học.

Giáo viên thường xuyên sử dụng đồ dùng dạy học khi lên lớp, tích cực tự làm đồ dùng dạy học phục vụ cho tiết dạy, tích cực thiết kế bài giảng có ứng dụng công nghệ thông tin.

**Điểm yếu cơ bản**

Phong trào tự làm Đồ dùng dạy học chưa cao

Tủ sách dành cho học sinh (sách tham khảo) còn hạn chế.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 06/06.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/06.

**Tiêu chuẩn 4**: **Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:**

Trường Tiểu học Trần Văn Danh luôn xác định việc phối hợp chặt chẽ giữa 03 nhân tố nhà trường, gia đình và xã hội tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban đại diện Cha mẹ học sinh hoạt động; tham mưu với cấp ủy Đảng các nội dung về giáo dục phù hợp với tình hình địa phương và thực tế nhà trường; phối hợp tốt với chính quyền và các tổ chức, đoàn thể ở địa phương góp phần thúc đẩy các hoạt động giáo dục trong nhà trường ngày càng ổn định và phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục.

**Tiêu chí 4.1**: **Ban đại diện cha mẹ học sinh**

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Hằng năm, vào tháng 9, nhà trường tổ chức họp cha mẹ học sinh tại các lớp, mỗi lớp bầu ra Ban đại diện Cha mẹ học sinh gồm 03 thành viên (01 trưởng ban, 01 phó ban và 01 thư ký). Trường tổ chức Đại hội đại biểu Cha mẹ học sinh toàn trường để bầu ra Ban đại diện Cha mẹ học sinh của trường theo đúng Điều lệ [H10-1.3-10]; [H73-4.1-01].

Ban đại diện Cha mẹ học sinh của lớp và trường hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học và Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22 tháng 11 năm 2011 [H10-1.3-10].

Ban đại diện Cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường đưa ra kế hoạch hoạt động trong năm học, thời gian thực hiện các kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban đại diện Cha mẹ học sinh hoạt động tốt [H10-1.3-10].

1.2. Mức 2:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh hỗ trợ hoạt động dạy và học của nhà trường về khen thưởng, khuyến khích các hoạt động của học sinh cũng như tài trợ vật chất cho các em trên tinh thần tự nguyện một cách hiệu quả, tạo điều kiện tốt trong việc tổ chức các phong trào học tập, hoạt động ngoại khóa cho học sinh [H74-4.1-02]; [H10-1.3-10]. Nhà trường xây dựng kế hoạch, tuyên truyền dưới nhiều hình thức để tăng cường thêm sự hiểu biết của cha mẹ học sinh về mục tiêu giáo dục tiểu học [H73-4.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh đảm bảo đúng theo Điều lệ. Các thành viên trong Ban đại diện Cha mẹ học sinh luôn tích cực, phối hợp nhịp nhàng, ủng hộ nhiệt tình các hoạt động của nhà trường, thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Một vài thành viên trong Ban đại diện Cha mẹ học sinh chưa có sự phối hợp tốt với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện và triển khai các hoạt động giáo dục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

Trong năm học 2018 - 2019 và các năm học tới, trường triển khai sâu rộng các hoạt động trọng tâm của lớp, trường đến từng cha mẹ học sinh bằng mọi phương tiện thông tin liên lạc.Giáo viên tổ chức các buổi trao đổi riêng dành cho cha mẹ học sinh bận công việc, không tham gia buổi họp chung với lớp để cha mẹ học sinh phối hợp tốt hơn với nhà trường trong các hoạt động.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Trường có kế hoạch chủ động tham mưu và phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn về: Kế hoạch giảng dạy và các hoạt động ngoại khóa của nhà trường, kế hoạch xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh trong nhà trường [H1-1.1-01]; [H2-1.1-02]; [H4-1.1-04].

Nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau như qua các cuộc họp, qua các phương tiện truyền thông,… [H1-1.1-01].

1.2. Mức 2:

Trường có kế hoạch chủ động tham mưu và phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể xã Đông Thạnh, huyện Hóc Mônvề kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2017 - 2022 [H1-1.1-01]; [H2-1.1-02].

Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể địa phương, thực hiện các chương trình, hoạt động chú trọng giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc thông qua các hình thức: Hội thi văn nghệ, Lễ giỗ Quốc Tổ Hùng Vương, Ngày hội đọc sách,... Mỗi năm học, trường tổ chức cho học sinh tham quan dã ngoại, thăm các di tích lịch sử trong thành phố như: Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bến Nhà Rồng, Bảo tàng Chứng tích chiến tranh,... kết hợp lồng ghép giảng dạy kiến thức lịch sử, địa lý của địa phương [H76-4.2-04]; [H1-1.1-01]. Phối hợp tốt cùng đoàn phường tổ chức cho đảng viên, công đoàn viên, đoàn viên, đội viên thăm và tặng quà cho các gia đình có công với cách mạng ngụ tại xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn nhân dịp kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ 27/7, ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12. Đoàn Thanh niên nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể địa phương thực hiện tốt kế hoạch chăm sóc di tích lịch sử địa phương: Bia tưởng niệm xã Đông Thạnh, khu di tích lịch sử Ngã Ba Giồng [H77-4.2-05]; [H4-1.1-04].

1.3. Mức 3:

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng và phối hợp tốt với Đoàn xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môntrong việc xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương bằng các hoạt động như: Tổ chức cho học sinh sinh hoạt hè; hội thi văn nghệ cho trẻ em tại địa phương, tổ chức các sân chơi nhằm rèn luyện kỹ năng sống,… [H78-4.2-06]; [H36-1.8-36].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường tham mưu và phối hợp tốt với chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực vật chất tự nguyện để hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Cha mẹ học sinh chưa chủ động tham gia các hoạt động tư vấn, thiện nguyện tại nhà trường.

Việc chăm sóc di tích lịch sử ở địa phương chưa được thực hiện ở tất cả các khối, lớp; chủ yếu tập trung vào học sinh khối lớp 4 và lớp 5.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục tham mưu và phối hợp tốt với chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

Bí thư Chi đoàn, Tổng phụ trách lập kế hoạch cụ thể tổ chức cho học sinh các khối lớp đều được tham gia chăm sóc di tích lịch sử ở địa phương.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

**Điểm mạnh nổi bật**

Ban đại diện Cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh. Nhà trường thường xuyên phối hợp với các đơn vị, cá nhân trong và ngoài trường để thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, huyđộng nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Nhà trường luôn chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc.

**Điểm yếu cơ bản**

Một vài thành viên trong Ban đại diện Cha mẹ học sinh chưa có sự phối hợp tốt với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện và triển khai các hoạt động giáo dục.

Cha mẹ học sinh chưa chủ động tham gia các hoạt động tư vấn, thiện nguyện tại nhà trường.

Việc chăm sóc di tích lịch sử ở địa phương chưa được thực hiện ở tất cả các khối, lớp; chủ yếu tập trung vào học sinh khối lớp 4 và lớp 5.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 02/02.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/02.

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu:**

Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục là thước đo chất lượng giáo dục của nhà trường. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các quy định về chương trình giáo dục, kế hoạch giảng dạy. Thực hiện tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, chú trọng rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh; đảm bảo các hoạt động giáo dục thể chất, chăm sóc sức khỏe của học sinh. Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng đi lên, khẳng định vị thế của nhà trường đối với địa phương, đối với ngành.

**Tiêu chí 5.1:Kế hoạch giáo dục của nhà trường**

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

**1. Mô tả hiện trạng:**

1.1. Mức 1:

Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch công tác giáo dục tiểu học của các cấp quản lý, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học theo đúng quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục [H24-1.6-24]

Trường thực hiện dạy đủ các môn học, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, đảm bảo yêu cầu các chuẩn kiến thức, kỹ năng, phương pháp và hình thức phù hợp với từng đối tượng theo từng học kỳ và từng tháng đáp ứng mục tiêu, chất lượng giáo dục học sinh của nhà trường.Thời khoá biểu có tính ổn định, sắp xếp khoa học, hợp lý theo đúng hướng dẫn hằng năm của Sở Giáo dục và Đào tạo, xây dựng thời khóa biểu phù hợp với sức khỏe và tâm sinh lý học sinh từng khối lớp [H79-5.1-01]; [H80-5.1-02].

Hằng năm, nhà trường đều thực hiện việc tự kiểm tra, kiểm tra của các cấp có thẩm quyền về nội dung kế hoạch giáo dục của nhà trường [H35-1.8-35]; [H81-5.1-03].

1.2. Mức 2:

Hằng năm, nhà trường luôn cập nhật các quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo cũng như của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị[H82-5.1-04].

Nhà trường luôn phổ biến và công khai tới toàn thể giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh qua bản tin, trang web của trường, các buổi họp cha mẹ học sinh, sổ báo bài hằng ngày của học sinh để cha mẹ học sinh và cộng đồng biết, cùng phối hợp, giám sát nhà trường cùng thực hiện kế hoạch. Từ đó, phối hợp, giám sát nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục (có biên bản cụ thể) [H73-4.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựngđúng quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, được cấp trên phê duyệt và được công khai cho cha mẹ học sinh, cộng đồng biết để cùng phối hợp thực hiện.

**3. Điểm yếu**

Việc phối hợp thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường với cha mẹ học sinh và cộng đồng chưa đạt được hiệu quả cao do một số cha mẹ học sinh hiện nay chưa quan tâm đến việc học của con em mình nên việc phối hợp với nhà trường chưa được thường xuyên, liên tục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2018-2019, giáo viên chủ nhiệm tăng cường công tác chủ nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục học sinh để giúp học sinh hoàn thành chương trình học theo từng khối lớp, tăng cường dạy học cá thể để phát huy năng lực học tập, phát triển năng khiếu của từng học sinh.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học**

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục.

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường.

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Trường thực hiện dạy đủ các môn học, đảm bảo yêu cầu các chuẩn kiến thức, kỹ năng, phương pháp và hình thức phù hợp với từng đối tượng [H12-1.4-12]. Giáo viên thường xuyên vận dụng mô hình trường học mới VNEN vào giảng dạy trên cơ sở tiếp nối các phương pháp dạy học tích cực, phương pháp và kĩ thuật dạy học hợp tác, phương pháp Bàn tay nặn bột, dạy học cá thể hóa, vận dụng các trò chơi vào dạy học các bộ môn, áp dụng các biện pháp dạy học tích cực vào giảng dạy, dạy học Mĩ thuật theo phương pháp Đan Mạch, đưa Âm nhạc dân tộc vào giảng dạy trong các tiết học âm nhạc và sinh hoạt câu lạc bộ [H52-2.4-06].

Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT, thực hiện nhận xét hằng tháng, nhận xét định kỳ giữa học kỳ và cuối học kỳ đúng quy định trên hệ thống cổng thông tin điện tử [H20-1.6-20].

1.2. Mức 2:

Nhà trường luôn thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục đảm bảo yêu cầu các chuẩn kiến thức, kỹ năng, phương pháp và hình thức phù hợp với từng đối tượng, chú trọng việc dạy cá thể hóa nhằm đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của từng học sinh [H35-1.8-35]; [H82-5.1-04].

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh còn gặp khó khăn trong học tập. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh do giáo viên chủ nhiệm phụ trách theo kế hoạch hoạt động chung của tổ chuyên môn và nhà trường. Nhà trường quan tâm phát hiện và bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phát động thi đua khuyến khích học sinh tham dự các cuộc thi trên internet như: Toán Violympic tiếng Anh, tiếng Việt, Giải Toán bằng tiếng Anh trên internet (IOE). Khuyến khích học sinh tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ tiếng Anh theo chuẩn Quốc tế của Viện khảo thí Hoa Kỳ ETS (ToeflPrimary). Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu thể dục thể thao và các em tham dự thi đã đạt được những thành tích cao trong các cuộc thi cấp huyện và Thành phố [H12-1.4-12]; [H35-1.8-35]; [H51-2.4-05].

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành tích đã đạt được trong 05 năm học** | | | | |
| **Năm học**  **2014 - 2015** | **Năm học**  **2015 - 2016** | **Năm học**  **2016 - 2017** | **Năm học**  **2017 - 2018** | **Năm học**  **2018 - 2019** |
| **a- Trường**  - Kết quả lên lớp:1886/1908 đạt tỉ lệ 98,8%  - Kết quả hoàn thành Chương trình Tiểu học:134 /134 đạt tỉ lệ 100%.  - Hạnh kiểm Thực hiện đầy đủ: 100%.  - Hiệu suất đào tạo: 100%.  - Học sinh được khen thưởng: 450 em đạt tỉ lệ 42.3%  **b- Cấp huyện:**  **\* Học sinh:**  - 10 học sinh đạt giải viết chữ đẹp  - Giải Toán qua Internet: 01 giải Nhất; 01 giải Ba; 01 HS được công nhận  - Thể dục thể thao: Đạt giải 3 ĐDTD. | **a- Trường**  - Kết quả lên lớp: 2225/2233 đạt tỉ lệ: 99,6%  - Kết quả hoàn thành Chương trình Tiểu học:218/218đạt tỉ lệ 100%.  - Hạnh kiểm Thực hiện đầy đủ: 100%.  - Hiệu suất đào tạo: 100%.  - Học sinh được khen thưởng: 530 em đạt tỉ lệ 42.1%.  **b- Cấp huyện:**  **\* Học sinh:**  - 8 học sinh đạt giải viết chữ đẹp  - Kỳ thi Olympic tiếng Anh: có 01 HS được công nhận  - Kỳ thi “ Giải Toán qua Internet”: có 07 HS đạt | **a- Trường**  - Kết quả lên lớp: 2186/2202đạt tỉ lệ 99,3%  - Kết quả hoàn thành Chương trình Tiểu học:236/236đạt tỉ lệ 100%.  - Hạnh kiểm Thực hiện đầy đủ: 100%.  - Hiệu suất đào tạo: 100%.  - Học sinh được khen thưởng: 530 em đạt tỉ lệ 41.5%  **b- Cấp huyện:**  **\* Học sinh:**  - Hội thi Olympic tiếng Anh: có 02 HS được công nhận  - “Giải toán qua Internet”:  Có 02 giải Khuyến khích; 03 HS được công nhận | **a- Trường**  - Kết quả lên lớp 2206/2214 đạt tỉ lệ 99.6%  - Kết quả hoàn thành Chương trình Tiểu học:534/534đạt tỉ lệ 100%.  - Hạnh kiểm Thực hiện đầy đủ: 100%.  - Hiệu suất đào tạo: 100%.  - Học sinh được khen thưởng: 550 em  đạt tỉ lệ 40.2%.  Hội thi GV giỏi cấp huyện: Có 02 GV được công nhận.  Hội thi GVCN giỏi: có 02 GV được công nhận | **a- Trường**  - Kết quả lên lớp /2520 đạt tỉ lệ %  - Kết quả hoàn thành Chương trình Tiểu học: 715/715 đạt tỉ lệ 100%.  - Hạnh kiểm Thực hiện đầy đủ: 100%.  - Hiệu suất đào tạo: 100%.  - Học sinh được khen thưởng: 560 em  đạt tỉ lệ 45%.  **b- Cấp huyện:**  **\* Học sinh:**  - ..... học sinh đạt giải viết chữ đẹp  - Kỳ thi Olympic Toán-TV: có 02 HS được công nhận  - Kỳ thi “ Giải Toán-TV qua Internet” cấp Quốc gia: có 01 HS đạt giải Đồng; 01 HS đươc công nhận  Hội thi GV giỏi cấp huyện: Có 02 GV được công nhận.  Hội thi GVCN giỏi: có 02 GV được công nhận.  Hội thi Giáo viên viết chữ đẹp: có 03 giáo viên được công nhận cấp huyện |

1.3. Mức 3:

Hằng năm, nhà trường đều thực hiện sơ kết, tổng kết công tác chuyên môn theo từng học kỳ và cuối năm học để rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh. Sau khi tổ chức mỗi hoạt động, nhà trường đều có rút kinh nghiệm để tiếp tục phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế còn tồn tại nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh[H81-5.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Trường xây dựng đầy đủ kế hoạch năm học, tháng, tuần. Các kế hoạch được xây dựng cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế nhà trường, định hướng cho các tổ khối và giáo viên thực hiện đúng các chỉ đạo và quy định của ngành.

Phần lớn giáo viên tích cực vận dụng phương pháp mới, vận dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, đạt được nhiều thành tích trong các cuộc thi cấp huyện và Thành phố.

Học sinh tích cực tham gia các hoạt động giáo dục, các phong trào thi đua của ngành giáo dục và Hội đồng Đội huyện Hóc Môn

**3. Điểm yếu**

Vẫn còn một vài giáo viên lớn tuổi khi vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học chưa đạt hiệu quả cao ở một số tiết dạy.

Số lượng học sinh đạt giải ở các kì thi cấp huyện, cấp thành phố còn ít so với các trường khác trong huyện.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2018 - 2019, giáo viên chủ nhiệm tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh trong công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu; phụ huynh hỗ trợ về thời gian để học sinh vào trường tham gia các kì thi đạt hiệu quả cao hơn.

Phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn tiếp tục bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên mới thông qua các chuyên đề, các buổi hướng dẫn đồng nghiệp về đổi mới phương pháp giảng dạy, về ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 5.3:Thực hiện các hoạt động giáo dục khác**

Mức 1:

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Hằng năm, nhà trường phối hợp với các đoàn thể, Ban đại diện Cha mẹ học sinh xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khoá, giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh đảm bảo đúng kế hoạch [H36-1.8-36].

Nhà trường thực hiện tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo kế hoạch với các hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh. Ngoài kế hoạch chung, mỗi hoạt động có kế hoạch riêng phù hợp từng thời điểm, tâm sinh lý học sinh, tình hình thực tế nhà trường như: Tham quan ngoại khóa, phong trào thể dục thể thao, phong trào văn thể mỹ. Hội thi và hoạt động lễ hội như: Hội thi trang trí lồng đèn trung thu, giao lưu đàn hát dân ca Việt Nam, hội thi kể chuyện, hội thi trang trí trường lớp, trang trí mâm ngũ quả, ngày hội trăng rằm... [H36-1.8-36].

Tất cả các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đều có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể trong nhà trường. Huy động cán bộ, giáo viên tham gia và phân công cụ thể cho từng thành viên, bộ phận phụ trách về công tác tổ chức và thực hiện biện pháp hoạt động theo đúng kế hoạch đề ra. Các hoạt động ngoại khóa tổ chức tại trường nhận được nhiều phản hồi tốt từ cha mẹ học sinh, thu hút nhiều học sinh và cha mẹ học sinh cùng tham gia [H36-1.8-36].

1.2. Mức 2:

Các hoạt động giáo dục khác (hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, bảo vệ môi trường; lao động công ích và các hoạt động xã hội khác) được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo[H36-1.8-36]; [H51-2.4-05].

1.3. Mức 3:

Nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp phong phú[H36-1.8-36].

**2. Điểm mạnh**

Các hình thức tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp của nhà trường đa dạng, phong phú phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học, thu hút nhiều học sinh cũng như phụ huynh cùng tham gia.

**3. Điểm yếu**

Một số phong trào thể dục thể thao, phong trào văn thể mỹ của trường chưa có giải cao trong các hội thi.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Bắt đầu từ năm học 2018 - 2019, phó hiệu trưởng phụ trách hoạt động ngoại khóa nghiên cứu, cải tiến kế hoạch hoạt động của phong trào thể dục thể thao, phong trào văn thể mỹ của trường để đẩy mạnh chất lượng của các phong trào này.

Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với Ban đại diện Cha mẹ học sinh các lớp tuyên truyền, vận động cha mẹ học sinh tạo điều kiện cho các em tham gia đầy đủ các hoạt động phong trào thể dục thể thao, phong trào văn thể mỹ của trường.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 5.4**: **Công tác phổ cập giáo dục tiểu học**

Mức 1:

a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;

b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;

c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1:

Trường đã chủ động phối hợp Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn với các đoàn thể thực hiện phổ cập giáo dục đúng độ tuổi [H17-1.5-17].

Trong địa bàn tuyển sinh của trường ở địa bàn ấp 2, 4, 6 thuộc xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 95% trở lên [H83-5.4-05].

Trường quản lý hồ sơ khoa học, cập nhật số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đầy đủ, đúng quy định.

1.2. Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường ở địa bàn ấp 2, 4, 6 thuộc xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% trở lên[H17-1.5-17].

1.3. Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường ở địa bàn ấp 2, 4, 6 thuộc xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% trở lên [H17-1.5-17].

**2. Điểm mạnh**

Trong nhiều năm liền, nhà trường đã thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, đảm bảo trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% trở lên.

**3. Điểm yếu**

Việc gửi thư mời ra lớp cho các em còn chậm so với thời gian quy định do lực lượng cán bộ phụ trách công tác phổ cập giáo dục tại địa phương chưa thực hiện đúng tiến độ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2018-2019, trường tiếp tục duy trì hiệu quả kế hoạch, biện pháp thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi của địa phương.

Nhà trường quan tâm hơn việc phối hợp với địa phương để thực hiện công tác gửi thư mời ra lớp cho các em trong độ tuổi đúng tiến độ.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 5.5:Kết quả giáo dục**

Mức 1:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;

c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80% đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

**1. Mô tả hiện trạng**

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 95% trong 5 năm liên tục.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Tổng số**  **học sinh** | **Hoàn thành chương trình**  **lớp học** | **Tỷ lệ** |
| 2014-2015 | 1908 | 1886 | 98,8% |
| 2015-2016 | 2233 | 2225 | 99,6% |
| 2016–2017 | 2202 | 2186 | 99,3% |
| 2017-2018 | 2214 | 2206 | 99,6% |
| 2018-2019 | 2521 | 2511 | 99,6% |

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% trong 5 năm liên tục [H81-5.1-03];[H84-5.5-06].

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Tổng số học sinh lớp 5** | **Hoàn thành chương trình**  **Tiểu học** | **Tỷ lệ** |
| 2014-2015 | 134 | 134 | 100% |
| 2015-2016 | 218 | 218 | 100% |
| 2016 – 2017 | 236 | 236 | 100% |
| 2017- 2018 | 534 | 534 | 100% |
| 2018-2019 | 715 | 715 | 100% |

**2. Điểm mạnh**

Hiệu quả giáo dục của nhà trường luôn được giữ vững và ổn định. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt 100% trong 05 năm liên tục.

**3. Điểm yếu**

Số học sinh được khen thưởng về hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện của các năm học chưa cao so với các trường trong huyện.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2018 - 2019, cán bộ quản lý thường xuyên dự giờ, tư vấn bồi dưỡng chuyên môn nâng cao hiệu quả trong hoạt động dạy cá thể hóa, phát triển năng lực học sinh.

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 3.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

**Điểm mạnh nổi bật**

Trường thực hiện các hoạt động giáo dục theo đúng quy định về chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng.

Các hoạt động ngoài giờ lên lớp phong phú, phù hợp với đặc điểm tâm lý nhằm tăng cường sức khỏe, rèn kỹ năng sống cho học sinh.

Công tác phổ cập giáo dục tiểu học, tạo mọi điều kiện để tất cả trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường, có biện pháp hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật học hòa nhập.

**Điểm yếu cơ bản**

Học sinh các khối lớp còn hạn chế trong việc tự làm đồ dùng học tập.

Số lượng học sinh đạt giải trong các hội thi ở cấp cao còn ít.

Còn một số học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:**05/05.

**Số lượng tiêu chí đạt không yêu cầu:** 00/05.

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà trường đã đạt được trong những năm qua, Hội đồng tự đánh giá trường Tiểu học Trần Văn Danh kết luận cụ thể như sau:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạtvà không đạt Mức 1:

Số lượngđạt : 27/27, tỉ lệ100%

Số lượng không đạt: 00/27, tỉ lệ 0%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạtMức 2:

Số lượng đạt : 26/ 27, tỉ lệ 96,3%

Số lượng không đạt : 01/27, tỉ lệ 3,7%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạtMức 3:

Số lượng đạt : 13/ 27, tỉ lệ 48,1%

Số lượng không đạt : 14/27, tỉ lệ 51,9%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạtMức 4:

Số lượng đạt : 0/ 27, tỉ lệ 0%

Số lượng không đạt : 27/27, tỉ lệ 100%

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 2

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Trần Văn Danh đề nghị công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Thông qua công tác kiểm định chất lượng giáo dục, trường xác định được điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển một cách cụ thểhơn về công tác tổ chức quản lý nhà trường; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; đảm bảo việc thực hiện các chương trình và hoạt động giáo dục; cải cách công tác hành chính, quản lý tài chính và cơ sở vật chất; tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh; phát huy hiệu quả các hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục toàn diện./.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2019*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG** |

**Nguyễn Đức Tài**